

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2018/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 7 - 2018

“Về việc ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hợp

Ông Lê Quốc Thới

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018. Về việc “Ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Loan Th, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Ngọc Hườn, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Ngọc Hườn, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/01/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Loan Th trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị Th và anh Đ được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới năm 2000 nhưng không có Đ ký kết hôn. Chị Th cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh Đ sống không chung thủy với chị nên vợ chồng thường cự cãi nhau, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị Th xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên chị Th yêu cầu xin được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị Th trình bày vợ chồng có 02 con chung tên là Bùi Kim Ng, sinh ngày 13/8/2000 và Bùi Kim Ng, sinh ngày 17/8/2004, hiện con đang sống với chị Th. Khi ly hôn chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Th trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu và nợ trả: Chị Th trình bày vợ chồng không có nợ thu và nợ trả nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Bùi Văn Đ, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho anh Đ, biết về nội dung yêu cầu khởi kiện ngày 22/01/2018 của chị Huỳnh Loan Th nhưng anh Đ không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập hợp lệ anh Đ để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh Đ không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Th, Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ được quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Bùi Văn Đ có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Huỳnh Loan Th khởi kiện xin ly hôn với anh Bùi Văn Đ nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Loan Th và anh Bùi Văn Đ xác lập quan hệ hôn nhân năm 2000 không có Đ ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị Th và anh Đ không được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị

quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của chị Th và anh Đ là vợ chồng.

[3] Về nuôi con: Chị Th trình bày vợ chồng có 02 con chung tên là Bùi Kim Ng, sinh ngày 13/8/2000 và Bùi Kim Ngoãn, sinh ngày 17/8/2004, hiện con đang sống với chị Th. Chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nhưng anh Đ không ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Bùi Kim Ng và Bùi Kim Ng đã sống với chị Th từ năm 2014 cho đến nay đã ổn định về tinh thần cũng như các điều kiện khác. Do đó, yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Th là phù hợp, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng và cháu Ng thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2018 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiếp tục giao cháu Bùi Kim Ng và Bùi Kim Ng cho chị Th nuôi dưỡng, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị Th trình bày vợ chồng không có tài sản chung, anh Đ không ý kiến gì, nên không xem xét.

[5] Về nợ trả và nợ trả: Chị Th trình bày vợ chồng không có không nợ thu và cũng không nợ trả, anh Đ không ý kiến gì, nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 243, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 09, 51 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 27/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Loan Th như sau:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Huỳnh Loan Th và anh Bùi Văn Đ là vợ chồng.

- Về con: Chị Huỳnh Loan Th được tiếp tục nuôi cháu Bùi Kim Ng, sinh ngày 13/8/2000 và Bùi Kim Ng, sinh ngày 17/8/2004. Anh Bùi Văn Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Văn Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Th phải chịu án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng), chị Th có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004115 ngày 22/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chuyển thu.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Đ được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn C;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính